

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN L

TỈNH HÒA BÌNH

Bản án số: 67/2019/HS-ST

Ngày 29/11/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà : Ông Bùi Thành Niên

Các Hội thẩm nhân dân : Bà Nguyễn Thị Thoa

Ông Nguyễn Đức Hải

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tư Duy - Thư ký

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Đông - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 63/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Trí Th, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Xóm B, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đỗ Trí D (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T Có vợ là: Lưu Thị Ngọc A và 01 con sinh năm 2012;

Tiền sự : Không.

Tiền án: 03 tiền án.

+ Ngày 13/09/2012 bị TAND huyện L, tỉnh Hòa Bình xử phạt 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, được trừ 7 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 11tháng 23 ngày, thời gian thử thách là 23 tháng 16 ngày về tội trộm cắp tài sản. Chấp hành án xong ngày 29/08/2014.

+ Ngày 29/09/2015 bị TAND tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm xử phạt 9 tháng tù về tội đánh bạc, chấp hành án xong ngày 06/11/2015.

+ Ngày 08/09/2016 bị TAND huyện C, thành phố Hà Nội xử phạt 3 năm tù về tội

trộm cắp tài sản, chấp hành án xong ngày 20/02/2019.

*Nhân thân: + Ngày 16/7/2012 bị cưỡng chế vào trung tâm cai nghiện ma túy tỉnh Hòa Bình theo QĐ số 1237/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Hòa Bình.

+ Ngày 03/12/2013 bị cưỡng chế vào trung tâm cai nghiện tỉnh Hòa Bình theo QĐ số 5363/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện L, Hòa Bình.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/06/2019 đến nay, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn S, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Xóm B, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn S, Con bà: Bùi Thị S; Vợ con: Chưa; Tiền án, tiền sự : Không.

*Nhân thân: + Ngày 01/02/2012 bị cưỡng chế vào trung tâm cai nghiện tỉnh Hòa Bình theo QĐ số 3210/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện L, Hòa Bình thời hạn 12 tháng.

+ Ngày 13/9/2012 bị TAND huyện L, tỉnh Hòa Bình xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Ngày 04/12/2013 bị cưỡng chế vào trung tâm cai nghiện tỉnh Hòa Bình theo QĐ số 5365/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện L, Hòa Bình thời hạn 12 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/06/2019 đến nay, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình; có mặt tại phiên tòa.

*Người bị hại:

1. Anh Bùi Anh T, sinh năm 1992, HKTT: Xóm B, xã T, huyện K, tỉnh Hòa Bình.
2. Chị Bùi Thị Thúy Ng, sinh năm 2000, HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện L, Hòa Bình.
3. Anh Bùi Văn X, SN: 1990, HKTT: Xóm B, xã Y, huyện C, Hòa Bình.
4. Chị Đinh Thị Hồng Nh, sinh năm 1994, HKTT: Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình.
5. Anh Hán Văn L, sinh năm 1983, HKTT: Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.
6. Anh Cao Văn S, sinh năm 1990, HKTT: Xóm Đ, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1984, HKTT: Xóm B, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

2. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1976, HKTT: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình. (Đã chết)

3. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1995, HKTT: Xóm 10, thôn Đ, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội (không có mặt tại nơi cư trú)

4. Anh Bùi Đoàn Hải Q, sinh năm 1995, HKTT: Xóm A, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

5. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991, HKTT: Xóm 10, thôn Đ, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội.

6. Anh Bùi Ngọc Đ, sinh năm 1973, HKTT: Xóm Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 14/04/2019 đến ngày 31/5/2019 Đỗ Trí Th và Nguyễn Văn S đã 6 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác tại khu Công nghiệp, thuộc huyện L, trong đó Th tham gia 6 vụ, S tham gia cùng Th 01 vụ. Ngoài việc tham gia trộm cắp cùng Th, S còn thực hiện 01 vụ tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau:

-Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 14 tháng 4 năm 2019, Đỗ Trí Th từ nhà đón xe khách lên khu Công nghiệp huyện L, thuộc huyện L, Hòa Bình mục đích để trộm cắp xe mô tô. Khi đi Th mang theo bộ vạm phá khóa gồm: 01 cờ lê 8, 01 đầu tô vít 8 hình lục giác được mài dẹt đầu để làm công cụ phạm tội. Khoảng 12 giờ cùng ngày thì bị cáo đi đến nơi, sau đó xuống xe và đi bộ vào khu trọ công nhân thuộc tiểu khu L, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình để tìm tài sản. Tại đây Th phát hiện xe mô tô HONDA WAVE, màu sơn xanh, đen, bạc BKS 28B1-116.48 để trước cửa phòng trọ, quan sát thấy sơ hở Th dùng vạm phá ổ khóa điện lấy xe và đi về xã hướng xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Trên đường đi bị cáo đi vào đường vắng rồi dừng xe phá cốp để kiểm tra và tháo biển kiểm soát sau đó tiếp tục đi về xã T, khi đi qua Cầu Tây trên đường Hồ Chí Minh thuộc xã H, huyện C, TP Hà Nội. Th gọi điện cho Nguyễn Văn S để bán xe. Tại đây, sau khi xem xe, S phát hiện xe không có giấy tờ, ổ khóa điện bị phá và không có biển kiểm soát nên S biết xe đó là tài sản do Th trộm cắp mà có, nhưng S vẫn đồng ý mua. Hai bên thỏa thuận giá 4.000.000đ, có tiền Th chi tiêu cá nhân hết.

-Vụ thứ hai: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 17 tháng 4 năm 2019, bằng thủ đoạn tương tự, Th bắt xe khách từ nhà lên khu Công nghiệp huyện L, mục đích tìm kiếm sơ hở để trộm cắp xe mô tô. Khi đi bị cáo mang theo bộ vạm phá khóa để dùng làm công

cụ phạm tội. Khoảng 12 giờ cùng ngày thì bị cáo đi đến nơi rồi xuống xe và đi bộ vào khu trọ công nhân tại thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Tại đây Th phát hiện 01xe mô tô HONDA ĐREAM, màu sơn nâu, BKS28P1-3798, quan sát thấy sơ hở, Th dùng vạm phá ổ khóa điện lấy trộm xe sau đó đi về hướng huyện T, Hà Nội. Đến nơi Th gọi điện cho một người đàn ông tên C (không rõ họ tên và địa chỉ) hẹn gặp nhau tại khu vực chân cầu vượt đại lộ Thăng Long, thuộc thị trấn Q, huyện Q, TP Hà Nội. Tại đây qua trao đổi Th đã bán chiếc xe trên trên cho C với giá 3.400.000đ. Có tiềnTh chi tiêu cá nhân hết.

-Vụ thứ ba: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 21 tháng 4 năm 2019, Th bắt xe khách từ nhà lên khu Công nghiệp huyện L để trộm xe mô tô. Khi đi bị cáo mang theo vạm phá khóa. Khoảng 12 giờ cùng ngày thì bị cáo đi đến nơi, sau đó đi bộ vào khu trọ công nhân tại thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình để tìm xe máy. Tại đây Th phát hiện xe mô tô YAMAHA SIRIUS, màu sơn đen, bạc BKS 28H1-13101, bị cáo dùng vạm phá ổ khóa điện lấy trộm chiếc xe rồi đi về hướng huyện T, TP Hà Nội. Th gọi điện cho người đàn ông tên C và hẹn gặp tại vị trí cây xăng C, thuộc xã C, huyện T, TP Hà Nội để bán xe. Tại đây bị cáo đã bán chiếc xe cho C với giá 2.600.000đ. Có tiền Th chi tiêu cá nhân hết.

-Vụ thứ tư: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 10 tháng 5 năm 2019, Th đi từ nhà lên khu Công nghiệp huyện L bằng chiếc xe mô tô do bị cáo trộm cắp được trước đó tại địa bàn huyện C, TP Hà Nội(hiện chiếc xe bị cáo đã bán) để trộm cắp xe mô tô. Khi đi Th mang theo bộ vạm phá khóa để làm công cụ phạm tội. Khi đi Th gọi điện rủ thêm Nguyễn Văn S, sinh năm 1989, HKTT: xóm B, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình cùng tham gia, S đồng ý và bảo Th đón S ở Chợ Cá, thuộc huyện C, TP Hà Nội. Cả hai lên khu công nghiệp huyện L để tìm xe, khi đến gần cuối khu công nghiệp, thì phát hiện tại vị trí hành lang đường ngoài cổng công ty HNT có khoảng 06 đến 07 xe máy. Th bảo S dừng lại để Th chọn xe, thấy có ai để ý, Th đi bộ vào chỗ để xe dùng vạm phá ổ khóa điện chiếc xe mô tô HONDA WAVE, màu sơn xanh, đen, bạc BKS 28D1-08686, sau đó Th điều khiển xe đi trước, còn S đi phía sau về hướng xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Khi về đến xã T, Th dừng lại phá cốp xe, tháo biển kiểm soát rồi mang lên Cầu Tây trên đường Hồ Chí Minh thuộc xã H, huyện C, TP Hà Nội vứt biển. Th gọi điện cho Nguyễn Văn Q, sinh năm 1976, HKTT: xóm Đ, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình để bán xe, khi bán Th bảo là xe không giấy tờ, do quen biết, tin tưởng và thấy rẻ nên Q đã mua chiếc xe trên với giá 4.200.000đ. Có tiền Th chia cho S 1.500.000đ, số tiền còn lại Th và S chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, Nguyễn Văn Q được mời lên làm việc, sau khi biết là xe do Th phạm tội mà có nên Q đã giao nộp cho cơ quan điều tra.

-Vụ thứ năm: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 21 tháng 5 năm 2019, Th bắt xe khách

đi từ nhà lên khu Công nghiệp huyện L để trộm cắp tài sản.. Khi đi bị cáo mang theo vạm phá khóa làm công cụ phạm tội. Khoảng 12 giờ cùng ngày thì bị cáo đi đến nơi sau đó xuống xe và đi bộ vào khu trọ công nhân tại thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình, sau khi tìm trong khu trọ không có tài sản, Th đi bộ ra khu công nghiệp huyện L. Khi đến cổng công ty Mi Đô Ri, Th phát hiện có khoảng 10 chiếc xe mô tô để trên hàng lang đường vào khu công nghiệp, bên ngoài tường bao công ty Mi Đô Ri, quan sát thấy không có người trông coi, Th đến vị trí thuận lợi và chọn chiếc xe mô tô HONDA WAVE, màu sơn đen, bạc BKS 99E1-40693. Th sử dụng vạm phá ổ khóa điện và lấy trộm xe rồi đi về hướng xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Trên đường đi Th đi vào khu vắng và dừng lại phá cốp và tháo biển kiểm soát, sau đó tiếp tục đi về hướng xã T, khi qua Cầu Tây trên đường Hồ Chí Minh thuộc xã H, huyện C, TP Hà Nội Th rút biển kiểm soát xuống sông, rồi đi tìm nơi tiêu thụ. Th đã bán xe cho anh Bùi Văn Th, khi bán Th nói là xe không giấy tờ, do quen biết, tin tưởng và thấy rẻ nên anh Th đã mua chiếc xe trên với giá 2.000.000đ. Có tiền Th chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 01 tháng 6 năm 2019, Bùi Văn Th được nài lên làm việc, sau khi biết chiếc xe mình mua là tài sản do Th phạm tội mà có nên anh Th đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra.

-Vụ thứ sáu: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 31 tháng 5 năm 2019, bằng thủ đoạn tương tự, Đỗ Trí Th bắt xe khách từ nhà lên khu Công nghiệp huyện L để trộm cắp tài sản. Khi đi bị cáo mang theo vạm phá khóa làm công cụ phạm tội Khoảng 12 giờ cùng ngày thì đi đến nơi, bị cáo xuống xe và đi bộ vào khu trọ của công nhân tại tiểu khu L, TT L, huyện L, tỉnh Hòa Bình để tìm tài sản. Khi đến khu nhà trọ Th phát hiện xe mô tô HONDA WAVE, màu sơn trắng, đen, bạc, BKS 28G1-210.72, Th dùng vạm phá ổ khóa điện và lấy trộm xe rồi điều khiển đi về hướng xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Trên đường đi Th đi vào khu vắng rồi dừng xe phá cốp xe kiểm tra, thấy có giấy tờ xe nên Th không tháo biển, bị cáo tiếp tục đi về xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Th gọi điện cho Nguyễn Văn B, sinh năm 1995, HKTT: thôn Đ, xã Đ, huyện M, TP Hà Nội để bán chiếc xe máy, do xe vẫn mang biển kiểm soát và có đăng ký xe nên Th bán cho B giá 4.500.000 đ. B trả trước cho Th 3.000.000đ, còn lại B hẹn trả sau. Có tiền Th dùng 1.000.000đ để cuộc điện thoại, còn 2.000.000đ Th đã giao nộp cho cơ quan điều tra sau khi vụ án bị phát hiện. Sau khi mua xe Nguyễn Văn B đã bán lại cho Bùi Đoàn Hải Q, sinh năm 1995, HKTT: xóm A, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình với giá 6.000.000đ. Sau đó Q tiếp tục bán lại cho anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991, HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện M, TP Hà Nội với giá 10.000.000đ. Sau khi mua Nguyễn Văn L phát hiện xe là tài sản do phạm tội mà có nên đã giao nộp cho cơ quan điều tra.

Theo kết luận định giá tài sản ngày 05/6/2019 của phòng tài chính huyện L, tỉnh Hòa Bình thì: Chiếc xe mô tô HONDA WAVE, màu sơn xanh, đen, bạc, BKS 28D1-

11648 có giá tại thời điểm định giá là: 14.000.000đ; Chiếc xe mô tô HONDA DREAM, màu sơn nâu BKS 28P1-3798 trị giá là: 13.500.000đ; Chiếc xe mô tô YAMAHA SIRIUS, màu sơn đen, bạc trị giá là: 10.000.000đ; Chiếc xe mô tô HONDA WAVE, màu sơn xanh, đen, bạc trị giá là: 14.000.000đ; Chiếc xe mô tô HONDA WAVE, màu sơn đen, bạc BKS 99E1- 40693 trị giá là: 14.000.000đ; Chiếc xe mô tô HONDA WAVE, màu sơn trắng, đen, bạc, BKS 28G1-210.72 trị giá là: 14.000.000đ.

Tổng giá trị 06 chiếc xe các bị cáo chiếm đoạt là 78.500.000đ.

Ngày 01 tháng 06 năm 2019 Đỗ Trí Th đến Cơ quan CSĐT Công an huyện L đầu thú.

Ngày 27 tháng 06 năm 2019 Nguyễn Văn S đến Cơ quan CSĐT Công an huyện L đầu thú.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô HONDA WAVE, màu sơn xanh,đen,bạc, số máy HC12E5602570; số khung 1210DY603933, BKS 28B1-116.48 (đã trả cho anh Bùi Anh T).
- 01 xe mô tô HONDA WAVE, màu sơn xanh,đen,bạc, số máy HC12E7338200; số khung RLHHC1253FY338155, BKS 28D1-08686 (đã trả cho chị Đinh Thị Hồng Nh).
- 01xe mô tô HONDA WAVE, màu sơn đen, bạc, số máy HC12E7185860; số khung 1255FY185908, BKS 99E1-40693 (đã trả cho anh Hán Văn L).
- 01 xe mô tô HONDA WAVE, màu sơn trắng,đen,bạc, số máy HC12E7436952; số khung RLHHC1251FY436939, BKS 28G1-210.72 (đã trả cho anh Cao Văn S).
- 01 (Một) điện thoại di động Samsung Galaxy J3, màu đen, kiểu máy SM-J330L, số IMEI 358851005615734, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.
- 01 (Một) cờ lê bằng kim loại màu trắng, dài 14cm, trên thân có ghi các chữ và số “10YETI@USA Standar 10 và 10CHROME VANADIUM 10”.
- 01 (Một) cờ lê bằng kim loại màu trắng, dài 12,7cm, trên thân có ghi các chữ và số “8YETI@USA Standar 8 và 8 CHROME VANADIUM 8”.
- 01(Một) thanh kim loại hình lục giác, màu nâu, trên thân có chữ “STANDARD@PH3”, một đầu bằng, một đầu dạng đầu tô vít, dài 08cm.
- 01 (Một) thanh kim loại, dài 7,5cm, một đầu hình lục giác, một đầu được mài dẹt, phần mài dẹt dài 5,5cm.
- 01 (Một) thanh kim loại dài 6,7cm, một đầu hình lục giác, một đầu được mài dẹt, phần mài dẹt dài 4,5cm.
- Tiền giấy Polimer của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số tiền 2.000.000đ.

Người bị hại: Anh Bùi Anh T, chị Đinh Thị Hồng Nh, anh Hán Văn L và anh Cao Văn S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Chị Bùi Thị Thúy Ng yêu cầu Đỗ Trí Th bồi thường giá trị chiếc mô tô hiệu HONDA DREAM, màu sơn nâu, BKS 28P1-3798 là 13.500.000đ.

Anh Bùi Văn X yêu cầu Đỗ Trí Th bồi thường giá trị chiếc mô tô YAMAHA SIRIUS, màu sơn đen,bạc, BKS 28H1-13101 là 10.000.000đ.

Anh Bùi Văn Th mua của Đỗ Trí Th chiếc xe mô tô HONDA WAVE, màu sơn đen, bạc BKS 99E1-40693 giá 2.000.000đ, sau khi được mời lên làm việc đã giao nộp xe cho cơ quan tra và không yêu cầu bồi thường về phần trách nhiệm dân sự.

Nguyễn Văn Q mua của Đỗ Trí Th xe mô tô HONDA WAVE, màu sơn xanh, đen,bạc, BKS 28D1-08686 với giá 4.200.000đ, sau khi được mời lên làm việc đã giao nộp chiếc xe cho cơ quan điều tra và không yêu cầu bồi thường về phần trách nhiệm dân sự. Nguyễn Văn Q đã chết ngày 20/06/2019.

Ngày 31/05/2019 sau khi lấy trộm được Chiếc xe mô tô HONDA WAVE, màu sơn trắng, đen, bạc, BKS 28G1-210.72. Đỗ Trí Th đã bán cho Nguyễn Văn B, SN: 1995, HKTT: thôn Đ, xã Đ, huyện M, TP Hà Nội với giá 4.500.000đ, B trả trước cho Th 3.000.000đ, nợ lại 1.500.000đ. Đến ngày 02/06/2019 B bán chiếc xe trên cho Bùi Đoàn Hải Q, SN: 1995, HKTT: xóm A, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình với giá 6.000.000đ. Đến ngày 06/06/2019, Q tiếp tục bán lại cho Nguyễn Văn L, SN: 1991, HKTT: thôn Đ, xã Đ, huyện M, TP Hà Nội với giá 10.000.000đ. Sau khi phát hiện nguồn gốc xe là do phạm tội mà có L đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Bùi Đoàn Hải Q đề nghị giải quyết phần dân sự theo quy định pháp luật. Nguyễn Văn L yêu cầu Q bồi thường về trách nhiệm dân sự. Đối với Nguyễn Văn B Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã triệu tập làm việc nhiều lần, nhưng B không có mặt, kết quả xác minh hiện tại B không có mặt tại địa phương, do đó cơ quan công an không ghi được lời khai.

Bản Cáo trạng số: 56/CT-VKSLS ngày 21/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố: Đỗ Trí Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, c, g khoản 2 Điều 173BLHS; Truy tố Nguyễn Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 của Điều 173 BLHS và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323BLHS.

Kết thúc tranh tụng, đại diện VKS giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản áp dụng như đã đề cập; Về hình phạt đề nghị HĐXX Áp dụng: Điểm b,c, g khoản 2 Điều 173, điểm s,r khoản 1,2 Điều 51, 38,58 BLHS Xử phạt: Đỗ Trí Th từ 5 đến 6 năm tù.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1,2 Điều 51, 38, 58 BLHS Xử phạt Nguyễn Văn S từ 12 đến 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1,2 Điều 51, 38 BLHS Xử phạt: Nguyễn Văn S từ 9 tháng đến 12

tháng từ về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Và đề nghị áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt của hai tội theo quy định pháp luật.

*Hình phạt bổ sung: Các bị cáo Đỗ Trí Th, Nguyễn Văn S là lao động tự do, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền với các bị cáo.

*Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại anh Bùi Anh T, chị Đinh Thị Hồng Nh, anh Hán Văn L và anh Cao Văn S đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm, nên không đề cập.

Đề nghị áp dụng: Điều 48 BLHS; các điều 584, 585, 586 và 589 BLDS: Buộc bị cáo Đỗ Trí Th bồi thường cho chị Bùi Thị Thu Ng giá trị chiếc mô tô với số tiền: 13.500.000đ; Bồi thường cho anh Bùi Văn X giá trị chiếc mô tô với số tiền: 10.000.000đ; Bồi thường cho anh Nguyễn Văn L số tiền anh L đã bỏ ra để mua chiếc xe mô tô HONDA WAVE, màu sơn trắng, đen, bạc, BKS 28G1-210.72 là 10.000.000đ.

+Truy thu số tiền 4.000.000đ từ Bùi Đoàn Hải Q là tiền thu lời bất chính từ việc bán xe cho anh L để sung công quỹ nhà nước.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

+Tịch thu sung công 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J3, màu đen, kiểu máy SM-J330L, số IMEI 358851005615734, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

+ Truy thu từ Đỗ Trí Th tổng số tiền 8.700.000đ do phạm tội mà có khi bán các xe mô tô BKS 28B1- 116.48; xe BKS xe 28D1- 086-86; xe BKS 99E1- 406.93 để sung công quỹ nhà nước.

+ Truy thu từ Nguyễn Văn S số tiền 1.500.000đ do phạm tội mà có khi được bị cáo Th chia cho do bán chiếc xe BKS xe 28D1- 086-86 giá 4.200.000đ.

+ Bảo thủ số tiền 2.000.000đ thu của Đỗ Trí Th trong quá trình điều tra để bảo thủ hỗ trợ thi hành án.

+Tịch thu tiêu hủy:

- 01 cờ lê bằng kim loại màu trắng, dài 14cm, trên thân có ghi các chữ và số “10YETI®USA Standar 10 và 10CHROME VANADIUM 10”.

- 01 cờ lê bằng kim loại màu trắng, dài 12,7cm, trên thân có ghi các chữ và số “8YETI®USA Standar 8 và 8 CHROME VANADIUM 8”.

-01thanh kim loại hình lục giác, màu nâu, trên thân có chữ “STANDARD®PH3”, một đầu bằng, một đầu dạng đầu tô vít, dài 08cm.

- 01thanh kim loại, dài 7,5cm, một đầu hình lục giác, một đầu được mài dẹt, phần mài dẹt dài 5,5cm.

- 01 thanh kim loại dài 6,7cm, một đầu hình lục giác, một đầu được mài dẹt, phần mài dẹt dài 4,5cm.

*Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1]Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS, Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo và người tham gia tố tụng khác khiếu nại gì về hành vi, Quyết định đó. Do vậy hành vi, Quyết định tố tụng trên là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Trước Cơ quan điều tra, cũng như phiên tòa hôm nay Đỗ Trí Th, Nguyễn Văn S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, Lời khai phù hợp với hành vi khách quan vụ án, lời khai bị hại, tang vật chứng thu được và lời khai của người người tham gia tố tụng khác, cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, do vậy HĐXX đủ căn cứ kết luận: Đỗ Trí Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Trong vụ án này bị cáo thực hiện liên tiếp sáu vụ trộm cắp, bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập, thực hiện việc trộm cắp tài sản bán lấy tiền chi tiêu, sinh hoạt hàng ngày, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị trên 50.000.000đ, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, nên bị truy tố theo các điểm b, c, g khoản 2 Điều 173BLHS; Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 của Điều 173 BLHS và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323BLHS.

Việc bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đỗ Trí Th và Nguyễn Văn S là người có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi mình gây ra là vi phạm pháp luật, xong vì mục đích cá nhân, bị cáo vẫn cố ý thực hiện dẫn đến phạm tội.

Hành vi các bị cáo gây ra xâm hại đến quyền sở hữu tài sản người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, góp phần làm gia tăng tội phạm trên địa bàn huyện L, do vậy cần xử lý nghiêm minh, có mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra mới đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục, đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội gây ra cho xã hội thấy tội phạm các bị cáo gây ra là rất nguy hiểm, các bị cáo đều là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần có hành vi vi phạm pháp luật và bị xử lý, tuy nhiên các bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa bản thân, nay lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện ý thức

chấp hành pháp luật, và khả năng cải tạo, sửa chữa bản thân của bị cáo, do vậy với lần phạm tội lần này thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có như vậy mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, cần xét đến tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức độ tham gia tội phạm, vị trí, vai trò, nhân thân các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, từ đó có hình phạt tương ứng với từng bị cáo là phù hợp.

Tính chất vụ án này thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Th là người giữ vai trò chính, bị cáo là người tham gia thực hiện tổng cộng 6 vụ trộm cắp tài sản, trong đó một mình bị cáo trộm 5 vụ, cùng bị cáo S trộm 01 vụ, bị cáo được hưởng lợi nhiều hơn, số vụ và giá trị tài sản thiệt hại bị cáo chiếm đoạt nhiều hơn, thuộc khoản 2 Điều 173 BLHS, bị cáo là người có nhân thân xấu. Do đó phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn đồng phạm.

Đối với bị cáo S, trong vụ án này bị cáo tham gia cùng bị cáo Th trộm cắp một vụ, giá trị tài sản chiếm đoạt thuộc khoản 1 Điều 173 BLHS, bị cáo được hưởng lợi từ số tiền bán xe là 1.500.000đ, bị cáo là người có nhân thân xấu. Do đó chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo Th là phù hợp. Đồng thời ngoài hành vi tham gia cùng bị cáo Th thực hiện một vụ trộm cắp tài sản, thì bị cáo S còn một mình thực hiện hành vi phạm tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 BLHS. Do đó bị cáo phải chịu thêm trách nhiệm hình sự về hành vi này là phù hợp.

Xét các bị cáo đều là người lao động tự do, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, do đó HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền với các bị cáo.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án này đối với bị cáo Th, ngoài các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt ra thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng khác.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, sau phạm tội ra đầu thú và tự nguyện khai nhận về 5 vụ trộm cắp trước đó, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ này quy định tại điểm s,r khoản 1,2 Điều 51 BLHS.

Đối với bị cáo S, bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, sau phạm tội ra đầu thú quy định tại điểm s, khoản 1,2 Điều 51 BLHS.

Đối với đề nghị xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, HĐXX đã xem xét theo quy định pháp luật trong quá trình nghị án.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị hại anh Bùi Anh T, chị Đinh Thị Hồng Nh, anh Hán Văn L và anh Cao Văn S đã nhận lại tài sản, nay không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên tòa không đề cập.

Đối với các tài sản Th đã chiếm đoạt của chị Bùi Thị Thúy Ng và anh Bùi Văn X, cơ quan điều tra không thu hồi được, kết quả định giá xác định giá trị chiếc xe của chị Ng là 13.500.000đ, xe của anh X là 10.000.000đ. Nay chị Ng và anh X yêu cầu bồi

thường bằng giá trị định giá. Do đó cần buộc bị cáo Th bồi thường cho các bị hại là phù hợp.

Đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của anh Phan Văn L. Xét sau khi trộm cắp được chiếc xe mô tô BKS 28D1- 086-86 Th đem bán cho B giá 4.500.000đ, B bán lại cho Q giá 6.000.000đ, Q tiếp tục bán lại cho L giá 10.000.000đ, anh L đã giao nộp xe cho cơ quan điều tra. Quá trình điều tra xác định B không có mặt địa phương, do đó chưa có căn cứ để xem xét về trách nhiệm và giải quyết về quyền lợi tài sản giữa Th và B trong vụ án này. Xét các giao dịch trên xuất phát từ hành vi trái pháp luật của bị cáo Th. Do đó để đảm bảo quyền lợi cho anh L cần buộc Th có trách nhiệm bồi thường số tiền 10.000.000đ cho anh L là phù hợp. Khi nào B có mặt tại địa phương và có tranh chấp về quyền lợi giữa bị cáo Th và anh B thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Đối với quyền lợi của anh Q, sau khi mua xe từ anh B giá 6.000.000đ, Q bán lại cho anh L giá 10.000.000đ, lãi 4.000.000đ, xác định đây là tiền thu lời bất chính. Do đó cần truy thu từ Q để sung công là phù hợp.

[5] Xử lý vật chứng:

+Tịch thu sung công 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J3, màu đen, kiểu máy SM-J330L, số IMEI 358851005615734, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

+ Truy thu từ Đỗ Trí Th tổng số tiền 8.700.000đ tiền do phạm tội mà có khi bán các xe mô tô BKS 28B1- 116.48; xe BKS xe 28D1- 086-86; xe BKS 99E1- 406.93 để sung công quỹ nhà nước.

+ Truy thu từ Nguyễn Văn S số tiền 1.500.000đ do phạm tội mà có khi bị cáo Th bán chiếc xe BKS xe 28D1- 086-86 giá 4.200.000đ sau đó chia cho S 1.500.000đ.

+Truy thu số tiền 4.000.000đ từ Bùi Đoàn Hải Q là tiền thu lời bất chính để sung công quỹ nhà nước.

+ Bảo thủ số tiền 2.000.000đ thu giữ của Đỗ Trí Th để hỗ trợ thi hành án.

+Tịch thu tiêu hủy:

- 01 cờ lê bằng kim loại màu trắng, dài 14cm, trên thân có ghi các chữ và số “10YETI®USA Standar 10 và 10CHROME VANADIUM 10”.

- 01 cờ lê bằng kim loại màu trắng, dài 12,7cm, trên thân có ghi các chữ và số “8YETI®USA Standar 8 và 8 CHROME VANADIUM 8”.

-01 thanh kim loại hình lục giác, màu nâu, trên thân có chữ “STANDARD®PH3”, một đầu bằng, một đầu dạng đầu tô vít, dài 08cm.

- 01 thanh kim loại, dài 7,5cm, một đầu hình lục giác, một đầu được mài dẹt, phần mài dẹt dài 5,5cm.

- 01 thanh kim loại dài 6,7cm, một đầu hình lục giác, một đầu được mài dẹt, phần mài dẹt dài 4,5cm.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ các nhận định trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Đỗ Trí Th phạm tội: “trộm cắp tài sản”; Nguyễn Văn S phạm tội : “trộm cắp tài sản” và tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng: + Điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s,r khoản 1,2 Điều 51; Điều 38, 58 BLHS; Xử phạt: Đỗ Trí Th 5 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 01/06/2019.

+ Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51,38,58 BLHS; Xử phạt Nguyễn Văn S 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

+ Khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1,2 Điều 51, 38 BLHS; Xử phạt Nguyễn Văn S 11 tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt của hai tội Nguyễn Văn S phải chịu hình phạt chung là: 26 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/06/2019.

2. Trách nhiệm dân sự : Áp dụng Điều 48 BLHS; Các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS: Buộc Đỗ Trí Th phải bồi thường cho chị Bùi Thị Thúy Ng số tiền 13.500.000đ; bồi thường cho anh Bùi Văn X số tiền 10.000.000đ; bồi thường cho anh Nguyễn Văn L số tiền 10.000.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án không thanh toán khoản tiền trên, thì phải chịu lãi suất chậm thi hành án tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng :Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

+Tịch thu sung công 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J3, màu đen, kiểu máy SM-J330L, số IMEI 358851005615734, điện thoại cũ, đã qua sử dụng.

+Truy thu từ Đỗ Trí Th tổng số tiền 8.700.000đ để sung công quỹ nhà nước.

+ Truy thu từ Nguyễn Văn S số tiền 1.500.000đ để sung công quỹ nhà nước.

+ Truy thu số tiền 4.000.000đ từ Bùi Đoàn Hải Q để sung công quỹ nhà nước.

+ Bảo thủ số tiền 2.000.000đ thu giữ của Đỗ Trí Th để hỗ trợ thi hành án.

+Tịch thu tiêu hủy:

- 01 cờ lê bằng kim loại màu trắng, dài 14cm, trên thân có ghi các chữ và số “10YETI®USA Standar 10 và 10CHROME VANADIUM 10”.

- 01 cờ lê bằng kim loại màu trắng, dài 12,7cm, trên thân có ghi các chữ và số “8YETI®USA Standar 8 và 8 CHROME VANADIUM 8”.

-01 thanh kim loại hình lục giác, màu nâu, trên thân có chữ “STANDARD®PH3”, một đầu bằng, một đầu dạng đầu tô vít, dài 08cm.

- 01 thanh kim loại, dài 7,5cm, một đầu hình lục giác, một đầu được mài dẹt, phần mài dẹt dài 5,5cm.

- 01 thanh kim loại dài 6,7cm, một đầu hình lục giác, một đầu được mài dẹt, phần mài dẹt dài 4,5cm.

Các vật chứng trên có đặc điểm như mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 10 năm 2019 hiện lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

4.Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Đỗ Trí Th phải nộp 200.000đ án phí HSST và 1.675.000đ án phí DSST; Bị cáo Nguyễn Văn S phải nộp 200.000đ án phí HSST.

5.Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các bị cáo; người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB
- VKSND tỉnh HB
- VKSND huyện Lương Sơn
- CQĐT, CQTHAHS huyện Lương Sơn
- THAD huyện Lương Sơn
- Bị cáo, bh, người liên quan
- Trại tạm giam
- Công thông tin điện tử TAND
- Lưu HSVA

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Bùi Thành Niên

